

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 trên địa bàn huyện Củ Chi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2019 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 704/GDĐT-KTKĐCLGD ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lập kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 425/TTr-GDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Hội Khuyến học huyện;
- Hội Cựu Giáo chức huyện;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện;
- Trường Trung cấp nghề Củ Chi;
- Các trường MN, TH, THCS, THPT;
- Lưu: VT, P.GDĐT.2. M.Hiep.18.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài Phú

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4760/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/HU, ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và công tác phổ cập giáo dục các bậc học giai đoạn 2010-2015 và những năm tiếp theo.

2. Tuyên truyền về những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của Thành phố và huyện Cử Chi đến từng hộ dân trên địa bàn; đặc biệt quan tâm các hộ tạm trú, nhà trọ của công nhân. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trên địa bàn huyện Cử Chi, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của thành phố.

3. Phân đầu xây dựng một trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố; khuyến khích các trường tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố; tiếp tục thực hiện Đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông”.

4. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

5. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh và các trường hợp chuyển hộ khẩu hoặc đăng ký tạm trú để đối phó với việc phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh các lớp đầu cấp. Trường Tiểu học Thị trấn Cử Chi và Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 chỉ nhận những trường hợp học sinh có hộ khẩu thường trú (ở cùng với cha hoặc mẹ) hoặc có hộ khẩu ghép với ông bà nội, ông bà ngoại (có tên cha và mẹ trong hộ khẩu) tại thị trấn Cử Chi đủ 5 năm trở lên (tính đến tháng 6 năm 2019).

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Lớp lá:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2014 (5 tuổi): 6876 trẻ (HK: 5581 trẻ; tạm trú: 1295 trẻ)

+ Dự kiến tuyển sinh: 6876 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp chồi:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2015 (4 tuổi): 5836 trẻ (HK: 5003 trẻ; tạm trú: 833 trẻ)

+ Dự kiến tuyển sinh: 5836 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp mầm:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2016 (3 tuổi): 3728 trẻ (HK: 3452 trẻ; tạm trú: 276 trẻ)

+ Dự kiến tuyển sinh: 3728 trẻ, đạt tỷ lệ 100%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ: 2643 trẻ (HK: 2445 trẻ; tạm trú: 198 trẻ).

+ Dự kiến tuyển sinh: 1161 trẻ, đạt tỷ lệ 43,93%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi: 1675 trẻ (HK: 1488 trẻ; tạm trú: 187 trẻ).

+ Dự kiến tuyển sinh: 32 trẻ; tỷ lệ 1,91%

2. Tuyển sinh vào lớp 1

- Dân số độ tuổi sinh năm 2013 (6 tuổi): 6845 trẻ.

- Dự kiến tuyển sinh: 6845 học sinh, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có hộ khẩu trường trú: 5461, tạm trú: 1384 trẻ.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 7223 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 6: 7223 học sinh, tỷ lệ 100%.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 139/165, tỷ lệ 84,24%.

- Tỷ lệ học sinh bán trú: phần đầu đạt từ 30% trở lên

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và các hệ tương đương

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 5347/5378 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương đạt tỷ lệ 80%.

C. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi (sinh năm 2014) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo phân tuyến do Ban

Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp chồi, mầm, lá và các nhóm dành cho trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi).

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu nhà trẻ và mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

- Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực: Nhận trẻ đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

- Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, đủ trang thiết bị theo Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện sĩ số trẻ trên một lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện diện tích phòng học, các trường có thể tăng thêm không quá 5 trẻ/lớp và đảm bảo diện tích phòng sinh hoạt chung cho một trẻ ít nhất 1,5m².

Lưu ý: Theo mục d, khoản 1, Điều 13 của Điều lệ trường mầm non “Khi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có một trẻ khuyết tật học hòa nhập thì sĩ số của lớp được giảm 5 trẻ”. Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ cùng một loại tật.

- Tỷ lệ trẻ học bán trú: 96%.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 24/7/2019

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/7/2019

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2019

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin xét tuyển

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận sức khỏe (đối với các cháu mới xin học lần đầu)

- Năm học 2019 - 2020, là năm thứ tư Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện xây dựng trường tiên tiến hiện đại đối với trẻ các lớp mầm (3-4 tuổi), lớp chồi (4-5 tuổi) và lớp lá (5-6 tuổi) theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Tuyển sinh vào lớp 1

a. Lớp 1

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2014) đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo phân tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường tiểu học).

- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn quy định.

- Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 em/lớp);

- Đẩy mạnh tổ chức học Tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 192/205, tỷ lệ 93,7%.

- Tỷ lệ học sinh bán trú: phân đầu đạt từ 40,6% trở lên

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 24/7/2019

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/7/2019

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2019.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tăng cường tiếng Anh (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 24/7/2019

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/7/2019

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2019

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

c. Lớp 1 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện Củ Chi có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp; kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học”).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 24/7/2019

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 30/7/2019

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2019

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 bình thường theo phân tuyến.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

a. Lớp 6

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi được xét tuyển vào học lớp 6 theo phân tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

- Không tổ chức thi tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2019 đến ngày 05/7/2019

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2019 đến ngày 14/7/2019

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2019

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
- + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Lớp 6 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyển) và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng ở lớp 5 đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có trình độ A2 theo khung CEFR như: chứng chỉ Cambridge Flyer 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu hoặc cấp độ Breakthrough 48-53 (Breakthrough pass) của PTE Young Learners (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở).

- Thời gian tuyển sinh:

- + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2019 đến ngày 05/7/2019
- + Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2019 đến ngày 14/7/2019
- + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2019

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)
- + Học bạ (bản chính) cấp tiểu học
- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
- + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)
- + Chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Breakthrough pass (Bản sao có chứng thực)

c. Lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

- Tiếp tục thực hiện chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 trên cơ sở trường lớp và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở).

- Điều kiện: Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi và được cấp chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc đã học chương trình tiếng Anh tăng cường ở cấp tiểu học và được tham gia khảo sát, nếu đủ điều kiện sẽ được xét tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.
- Thời gian tuyển sinh:

- + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2019 đến ngày 05/7/2019
- + Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2019 đến ngày 14/7/2019
- + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2019
- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)
 - + Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)
 - + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
 - + Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)
 - + Chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Breakthrough pass (Bản sao có chứng thực)
- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường theo phân tuyển.

4. Tuyển sinh vào trung cấp chuyên nghiệp – Hệ sau trung học cơ sở

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Củ Chi có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu trường trung cấp chuyên nghiệp).
- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định.
- Căn cứ xét tuyển:
 - + Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở
 - + Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;
 - + Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

5. Tuyển sinh vào lớp 10 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên

- Điều kiện: Học sinh đang học tại các trường trung học cơ sở hoặc các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện, có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau đây được dự xét tuyển vào lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên (kèm phụ lục 7: Bảng số liệu chỉ tiêu Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên).
- + Tốt nghiệp trung học cơ sở
- + Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện
- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định
- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện phát hành).

+ Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời

6. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài tuyển tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi tuyển sinh theo địa bàn phân tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn chỉ tiêu, Ban chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài địa bàn theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

a. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài tuyển

- Chỉ giải quyết ngoài tuyển đối với những trường còn chỉ tiêu tuyển sinh; số lượng giải quyết ngoài tuyển không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

***Lưu ý:** Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài tuyển gần nhà hoặc gần cơ quan của cha mẹ để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ trái tuyển vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo tuyển bình thường.*

b. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài tuyển của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- Bản photo hộ khẩu (khi nộp kèm theo bản chính để đối chiếu)

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên: giấy xác nhận của cơ quan kèm giấy chứng minh nhân dân của cha, mẹ (nếu học sinh là con của cán bộ công chức); giấy xác nhận của đơn vị kèm giấy chứng minh quân nhân của cha, mẹ nếu học sinh là con của quân nhân;.....v.v)

c. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Từ ngày 27/7/2019 đến hết ngày 28/7/2019, Tổ Giúp việc (theo Quyết định của UBND huyện) tiến hành tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt từng trường hợp.

- Bước 2: Hội đồng Tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài tuyển.

- Bước 3: Hội đồng Tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài tuyển.

- Bước 4: Ban Chỉ đạo Tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài tuyển.

- Bước 5: Văn phòng HĐND và UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực hiện công khai kết quả danh sách được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

- Bước 6: Hiệu trưởng nhận danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh cấp huyện và công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho phụ huynh và học sinh được biết.

- Bước 7: Hội đồng tuyển sinh của các trường bố trí chỗ học cho học sinh ngoài tuyển.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020; tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; thành lập Hội đồng tuyển sinh ngoài tuyển và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 đến Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và Hiệu trưởng trường có tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp để có kế hoạch thực hiện.

2. Đài truyền thanh huyện

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020; vận động người dân thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" vào đầu năm học mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân đưa trẻ đến trường.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 trên địa bàn.

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,... cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

5. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 trên địa bàn.

- Thành lập Hội đồng Tuyển sinh đầu cấp.

- Phân công cán bộ, giáo viên trực hàng ngày để tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học của học sinh; tổ chức xét duyệt theo đúng hướng dẫn.

- Tuyệt đối không nhận hồ sơ xin học ngoài tuyển; không giải quyết cho học sinh chuyển trường.

- Hiệu trưởng trường tiểu học, trung học cơ sở phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường mới trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

E. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2019, các trường phối hợp với Ban Nhân dân ấp, Ban Điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019 - 2020 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 19 tháng 7 năm 2019.

+ Lần 2: Ngày 26 tháng 7 năm 2019.

+ Lần 3: Ngày 02 tháng 8 năm 2019.

+ Lần 4: Ngày 09 tháng 8 năm 2019.

+ Lần 5: Ngày 16 tháng 8 năm 2019.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHỖ VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ NGOÀI CÔNG LẬP

NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 4760/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện Cử Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
TỔNG CỘNG:		6876			809	1185	2	32	58	1161	173	3728	222	5836	214	6876	100%
1. Công lập		5714			488	680	2	32	18	420	60	1500	110	3234	179	5714	
1	Tân Phú Trung	474	MN Tân Phú Trung 1	Áp Đình, Áp Giữa, Bến Dò 1, Bến Dò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	18	31					3	75	5	150	9	264	100%
2			MN Tân Phú Trung 2	Áp Chợ, Láng Cát, Giồng Sao, Phú Lợi, Trạm Bom, ấp Cây Đa, xã Tân Phú Trung.	11	12							3	51	8	210	100%
3	Tân Thông Hội	627	MN Tân Thông Hội 1	Áp Bàu Sim, hẻm 218 tổ 4, tổ 5a, 6, 8, 9 của ấp Hậu, tổ 1,2,3,4,9 ấp Trung - xã Tân Thông Hội và tổ 1,2 của ấp 2 - xã Phước Vĩnh An.	12	23			1	25	2	50	4	120	4	132	100%
4			MN Tân Thông Hội 2	Áp Thượng, tổ 6 đến tổ 16 ấp Tân Định, tổ 1,2,2a,3,5,7, 1/2 đường số 28 tổ 4 ấp Hậu, quốc lộ 22, tổ 1,2a,2b,3a,3b ấp Tân Tiến xã Tân Thông Hội và tổ 3,4a,4b,5,8,9a,9b,10,11 của ấp 3 - xã Phước Vĩnh An.	17	35	1	12	2	50	4	100	5	150	5	175	100%
5			MN Tân Thông Hội 3	Áp Chánh, ấp Tiên và tổ 5,6,7,8,10 của ấp Trung - xã Tân Thông Hội.	13	18					2	50	3	80	5	150	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
6			MN Tân Thông Hội 4	Ấp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành và tổ 1,2,3,4,5 của ấp Tân Định - xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi	11	16					1	25	3	60	6	170	100%
7	Thị Trấn Củ Chi	490	MN Thị Trấn Củ Chi 1	Khu phố 3, khu phố 8, tổ 3,7 khu phố 1, tổ 4 khu phố 4, tổ 1,2 khu phố 5, tổ 3 khu phố 6 - Thị Trấn Củ Chi, tổ 1,2,3 ấp Tây xã Tân An Hội và tổ 6,7, 10 của ấp Tân Thành - xã Tân Thông Hội.	10	16					1	25	4	85	5	140	100%
8			MN Thị Trấn Củ Chi 2	Khu phố 2, khu phố 4, khu phố 6 và tổ 1,2,3 của khu phố 7 - Thị trấn Củ Chi	21	45	1	20	8	185	4	100	4	120	4	140	100%
9			MN Thị Trấn Củ Chi 3	Khu phố 1, khu phố 5, khu phố 7 và tổ 7, 8 của khu phố 8 - Thị trấn Củ Chi	13	27			1	25	4	100	4	120	4	140	100%
10			MN Tây Bắc	Tổ 4 khu phố 1, tổ 6 khu phố 8 - Thị trấn Củ Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	17			1	25	3	75	3	105	3	95	100%
11	Phước Hiệp	191	MN Phước Hiệp	Ấp Mũi Cồn Dại, Mũi Cồn Tiều, Trại Dền, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Việt, xã Phước Hiệp	16	15					1	25	2	60	6	191	100%
12	Thái Mỹ	206	MN Thái Mỹ	Ấp Bình Hà Đông, Bình Hà Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thương 1, Bình Thương 2, ấp Thấp, xã Thái Mỹ.	11	22					2	50	4	140	5	206	100%
13	Trung Lập Hạ	172	MN Trung Lập Hạ	Ấp Trung Hòa, Lào Táo Trung, Gia Bè, Xóm Mối, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	21					2	50	4	105	5	172	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
14	Nhuận Đức	148	MN Nhuận Đức	Áp Bầu Chứa, Bầu Cạp, Bầu Tròn, Bầu Trần, Xóm Bưng, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	18	20			1	15	2	50	4	120	4	148	100%
15	An Nhơn Tây	275	MN An Nhơn Tây	Áp Ba Sông, Bầu Dung, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây.	22	24					2	50	3	105	9	275	100%
16	Phú Mỹ Hưng	134	MN Hoàng Minh Đạo	Áp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	12	17					2	50	3	90	4	134	100%
17	Phạm Văn Cội	230	MN Phạm Văn Cội 1	Áp 3, Áp 4, Áp 5 - xã Phạm Văn Cội, tổ 5, 7 của ấp Đức Hiệp, tổ 6 đến tổ 11 ấp Bến Đình, và tổ 2, 3 của ấp Bầu Cạp - xã Nhuận Đức.	11	21			1	25	3	75	3	105	4	140	100%
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Áp 1, ấp 2 - xã Phạm Văn Cội, tổ 107, 108, 109, 110 của ấp Cây Trắc và tổ 6, 6a, 7, 8a, 9, 10, 10a của ấp Phú Hiệp - xã Phú Hòa Đông.	13	12					2	50	2	60	3	90	100%
19	Phú Hòa Đông	280	MN Phú Hòa Đông	Phú An, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Lợi, tổ 1, 1a, 2, 3, 3a, 4, 4a, 5 Phú Hiệp, Cây Trâm, Bến Cò, tổ 105, 106 Cây Trắc, ấp Chợ, Phú Trung, Phú Hòa, Phú Bình - xã Phú Hòa Đông.	19	40					5	125	6	180	8	280	100%
20	Phước Vĩnh An	245	MN Phước Vĩnh An	Áp 1, tổ 3, 4 ấp 2, tổ 1, 2, 6a, 6, 7, 12, 16, 17 ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6 - xã Phước Vĩnh An và tổ 1, 2, 4 của ấp Cây Da - xã Tân Phú Trung.	15	18					1	25	4	120	7	245	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
21	Tân Thành Đông	420	MN Tân Thành Đông	Ấp 1, ấp 2, 2A, ấp 3A, 3B, ấp 4, 4A, tổ 5,6,7,8,9,10,11,12 ấp 5, ấp 7, ấp 8, ấp 9, 9A, ấp 10, ấp 11, 11A xã Tân Thành Đông.	20	35							4	120	12	420	100%
22		70	MN Nguyễn Thị Dậu	Ấp 6, 6A, 7A, tổ 1,2,3,4,5 ấp 12, tổ 1, 2,3,4,13,14 ấp 5, xã Tân Thành Đông.	16	6							1	30	2	70	100%
23	Tân Thành Tây	115	MN Tân Thành Tây	Ấp1, 1A, ấp 2, 2A, ấp 3, 3A - xã Tân Thành Tây, tổ 7,8,9,10,11của ấp 6 - xã Tân Thành Đông	30	19			1	20	3	75	3	120	5	90	100%
24	Trung An	120	MN Trung An 1	Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, xã Trung An	6	10							2	74	4	120	100%
25		205	MN Trung An 2	Thành An, Hội Thành - xã Trung An và tổ 6 7 8 9 10 của ấp 12 - xã Tân Thành Đông	13	28			1	25	3	75	4	120	5	205	100%
26	Hòa Phú	134	MN Hòa Phú	Ấp 1, 1A, Ấp 2, 2A, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, xã Hòa Phú.	12	20			1	25	2	50	4	120	4	134	100%
27	Bình Mỹ	236	MN Bình Mỹ	Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4A, 4B- Bình Hòa, 4B - Mỹ Suồng, Ấp 5, Ấp 6A, 6B, Ấp 7, Ấp 8, xã Bình Mỹ.	23	15							2	38	10	236	100%
28	Phước Thành	289	MN Phước Thành	Ấp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Diều, Mây Dắt, Mít Nài, Bàu Diều ấp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trầu, xã Phước Thành.	25	26					2	50	5	141	8	289	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp		
29	Trung Lập Thượng	180	MN Trung Lập Thượng	Áp Sa Nhỏ, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Áp Ràng, Lào Táo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Văn Hán, xã Trung Lập Thượng.	16	24					2	50	4	120	6	180	100%
30	Tân An Hội	135	MN Tân An Hội 1	Áp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Áp Tây, Áp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã Tân An Hội.	12	18					1	25	4	105	4	135	100%
31		145	MN Tân An Hội 2	Áp Tam Tấn, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	12	8							1	30	5	145	100%
32	An Phú	193	MN An Phú	Áp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	12	21					1	25	3	90	6	193	100%
2. Ngoài CL		1162			123	216		17	372	26	661	37	974	35	1162		
1	Tân Thông	100	MN Thủy Tiên		7	14				2	50	2	60	3	100	100%	
2	Hội	68	MN Thành Danh		7	14		1	25	1	25	3	90	2	68	100%	
3	Thị Trấn Cù Chi	99	MN ABC		8	14		1	27	1	25	2	64	3	99	100%	
4		140	MN Hoa Lan		13	26		2	50	3	75	4	120	4	140	100%	
5		70	MN Sơn Ca		8	14		2	45	2	50	2	60	2	70	100%	
6	Phước Hiệp	35	MN Sao Việt		7	12		2	40	1	25	2	60	1	35	100%	
7	Tân Thạnh	55	MN Trúc Xanh		9	11		1	25	1	30	2	45	2	55	100%	
8	Tây	35	MN Thanh Phương		4	8		1	25	1	25	1	30	1	35	100%	
9	Hòa Phú	105	MN Tuổi Ngọc		8	16		1	25	2	50	2	60	3	105	100%	
10		35	MN Anh Dũng		6	8		1	25	1	25	1	30	1	35	100%	
11	Phước Thạnh	82	MN Hoa Hồng		9	16		2	25	1	45	3	68	3	82	100%	
12	Tân An Hội	70	MN Sư Đoàn 9		7	12		1	25	2	50	2	60	2	70	100%	
13	Tân Thạnh	30	MN Bé Thông Minh		6	11		1	25	2	50	2	47	1	30	100%	
14	Đông	30	MN Ánh Dương Samho		5	7		1	10	1	25	1	30	1	30	100%	
15	Tân Phú	70	MN Hoàng Anh		5	11				1	35	2	30	2	70	100%	
16	Trung	68	MN Trái Tim Thơ		8	10				2	26	4	60	2	68	100%	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
17	TL Thường	70	MN Thường Vỹ		6	12					2	50	2	60	2	70	100%
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục																	
1	Xã Tân Phú Trung		MG Phú Đồng		2	3				23	369	87	1567	75	1628		
2			MG Văn Lang		2	3						1	13	1	25		
3			MG Hương Dương		2	2						1	13		15		
4			MG Thanh Bình		2	3						1	25	1	15		
5			MG Búp Màng		2	3						1	13	1	25		
6			MG Trúc Phương		2	3						1	15	1	25		
7			MG Như Ý		2	4						1	20	1	18		
8			NT Yên Nhi		2	2			1	22							
9			MG Hoa Mặt Trời		2	3					1	13	1	25			
10			MG Hoa Sen		2	2					1	13	1	15			
11			MG Vườn Hồng		2	3					1	13	1	25			
12			MG Hoa Thiên Lý		3	3					1	13	1	25			
13			NT Thảo Quyên		1	1			1	12							
14	Xã Tân Thông Hội		MG Tuổi Thần Tiên		4	4						1	20	2	30		
15			MG Mai Vàng		2	2						1	13	1	15		
16			MG Thiên Thần		2	4						1	17	1	23		
17			MG Cát Tường		2	2						1	13	1	15		
18			NT Huy Hoàng		1	2			1	20							
19			NT Cẩm Nhung		1	2			1	15							
20			MG Hoa Mai		2	2					1	13	1	15			
21			MG Bông Sen Hồng		1	2					1	13	1	15			
22			MG Thiên Ân		2	4					1	25	1	30			
23			MG Quốc Dũng		2	4					1	25	1	25			
24			MG Quốc Dũng 2		3	5					2	38	1	15			
25	Xã Trung An		MG Hồng Nhung		2	4					1	20	1	30			
26			MG Hoa Trang		2	3					1	25	1	15			
27			MG Ban Mai		3	4					1	20	1	30			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp		
28			MG Ánh Khang		2	4					1	25	1	25			
29			MG Bé Ngoan		2	2					1	13	1	15			
30			MG Bé Yêu		3	4					1	25	1	30			
31			MG Tân Quý		2	1					1	13					
32			MG Ánh Mai		2	2					1	13	1	15			
33			MG Hoa Mạ Non		2	4					1	18	1	22			
34	Xã Hòa Phú		MG Bông Hoa Nhỏ		1	2					1	13		15			
35			MG Bé Xinh		2	4					1	25	1	30			
36			MG Hoa Mai Trắng		1	2						15	1	10			
37			MG Ánh Dương		3	4					2	38	1	15			
38			MG Phát Triển		3	4					1	25	1	25			
39			MG Ánh Bình Minh		2	4					1	25	1	30			
40			MG Măng Non		3	4					2	25	1	29			
41			MG Hoa Hồng Nhung		3	4					2	38	1	15			
42			MG Thảo Ngọc		3	4					1	25	1	25			
43	Xã Bình Mỹ		MG Hoa Quỳnh		3	4					1	25	1	24			
44			MG Bồ Câu Trắng		2	4					1	15	1	15			
45			MG Quỳnh Anh		1	2					1	13		15			
46			MG Hoa Anh Đào		2	4					1	25	1	25			
47			MG Việt Anh		4	7					2	40	1	30			
48			MG Sóc Nâu		2	4					1	20	1	20			
49			MG Vàng Anh		2	3					1	13	1	17			
50			MG Hồng Ân		3	6					2	40	1	30			
51	Xã Phú Hòa Đông		MG Thương Hiền		2	3					2	25	1	15			
52			MG Hoa Bách Hợp		2	2					1	13	1	15			
53			MG Vân Anh		2	4					1	25	1	30			
54			NT Vườn Họa Mĩ		2	2					1	13	1	15			
55	Xã Tân Thạnh Đông		MG Sao Vàng		2	2					1	13	1	15			
56			MG Vỹ Vỹ		2	4					1	20	1	25			
57			MG Ánh Sao		3	4					1	25	1	30			
58			NT Kim Cương		3	4			2	50							

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
59			MG Mặt Trời Hồng		2	3					1	25	1	15			
60			MG Vân Anh 2		2	4					1	25	1	25			
61			NT Thiên Thanh		2	2			2	25							
62			MG Mèo Ngao		2	2					1	13	1	15			
63			MG Minh An		2	2					1	13	1	15			
64	Xã Tân Thanh Tây		MG Huệ Anh		2	2					1	13	1	15			
65			NT Triều Ân		1	1			1	13							
66			MG Hoàng Dung		2	3					1	25	1	15			
67			MG Tuổi Thơ		3	5					2	30	1	25			
68			MG Ánh Tuyết		4	4					1	25	1	30			
69	Thị Trấn Củ Chi		NT Thanh Hằng		1	1			1	13							
70			MG Hạt Đậu Nhỏ		1	2					1	10		15			
71			MG Ngôi Sao Mai		2	3					1	25	1	15			
72			MG Sen Việt		2	3					1	13	1	20			
73			MG Thanh Minh		2	4					1	25	1	30			
74	Xã Phước Vĩnh An		NT Trần Đồng Việt		2	2					1	13	1	15			
75			MG Trí Việt		2	4					1	20	1	25			
76			MG Hoa Tigon		4	4					2	25	2	30			
77			MG Thiện Ân		2	3					1	13	1	15			
78			MG Xuân Thụ		3	5					2	35	1	15			
79	Xã Phước Hiệp		MG Hạnh Phúc		2	2					1	13	1	15			
80			NT Bé Thơ		2	3			3	30							
81	Xã Phước Thạnh		MG Hoa Phương		2	4					1	25	1	25			
82			MG Thái Mỹ		1	1			1	13							
83	Xã Phạm Văn Cội		MG Thanh Lan		2	4					1	25	1	30			
84			MG Bảo Ngọc		2	4					1	25	1	25			
85			NT Doremi		2	3			2	30							
86	Xã An Nhơn Tây		NT Ngôi Sao		2	2			2	30							
87			NT Đăng Khoa		1	3			1	30							

[Handwritten signature]

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2014)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ		Mầm sinh năm 2016		Chồi sinh năm 2015		Lá sinh năm 2014		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
88			NT Sen Hồng		2	2			2	26							
89			MG Con Ong Nhỏ		2	3					1	13	1	25			
90			MG Ong Vàng		2	4					1	25	1	25			
91			MG Ly Ly		2	2					1	13	1	15			
92	Xã An Phú		MG Mặt Trời Nhỏ		3	4				40							
93	Xã Tân An Hội		MG Nụ Cười Hồng		2	2			2		1	13	1	15			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: **H760/QĐ-UBND** ngày **09** tháng **5** năm 2019 của UBND huyện Củ Chi)

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Số học sinh		Tỷ lệ huy động			
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp			Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bản trú		Tổng số HS	Trong đó số HS bản trú	
											Tăng cường ngoài ngữ								
			Tổ 4, 5, 6 ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	9	8	17													
			Cộng:	206	144	350	10	35		10	2			6	350	200		100%	
3	Nguyễn Thi Lăng	Công lập	Ấp Xóm Đòng (từ tổ 1 đến tổ 11),	30	13	43													
			Ấp Giữa (từ tổ 6 đến tổ 16), xã	40	15	55													
			Ấp Đình (từ tổ 1 đến tổ 8), xã Tân	31	15	46													
			Ấp Tràm Bom, xã Tân Phú Trung	25	10	35													
			Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung	54	20	74													
			Cộng:	180	73	253	6	35		6	1			2	253	70		100%	
						Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	31	20	51										
4	Tân Thông Hội	Công lập	Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	50	20	70													
			Ấp Thượng (tổ 1 đến tổ 8), xã Tân Thông Hội	10	10	20													
			Tổ 3 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	3	8	11													
			Cộng:	94	58	152	4	35		4				4	152	152		100%	
			Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	41	10	51													
			Ấp Thượng (tổ 9 đến tổ 15), xã Tân Thông Hội	29	11	40													
						Ấp Tiền, xã Tân Thông Hội	57	13	70										
5	Tân Thông	Công lập	Ấp Trung, xã Tân Thông Hội	46	15	61													
			Cộng:	173	49	222	6	35		6	4			4	222	120		100%	
			Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	28	20	48													
			Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội	50	10	60													
			Ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	53	20	73													
6	Tân Tiến	Công lập	Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội	52	28	80													
			Tổ 4A, 4B, 5, 9A Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	12	15	27													

[illegible]

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp			Số học sinh			
											Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú			
	Thị trấn Củ Chi		Khu phố 8, Thị trấn Củ Chi (học sinh có HK ở Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2014 trở về trước)	28		28											
			Cộng:	121		121	6	35		6		1	6	121	80		100%
			Khu phố 2 (từ tổ 3 đến tổ 9), Thị trấn Củ Chi	33	10	43											
			Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	27	5	32											
			Học sinh tạm trú khu phố 1, 2, 8 (Thị trấn Củ Chi)		29	29											
11	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Học sinh trên địa bàn Trường TT Củ Chi nhưng có HK ở khu phố 1, 2, 8, TT Củ Chi từ sau tháng 6/2014 đến nay.														
			Cộng:	60	44	104	2	35	2					104		100%	
			Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi	56		56											
			Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi	20		20											
			Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi	34		34											
			Học sinh tạm trú KP7, TT Củ Chi		6	6											
			Học sinh trên địa bàn Trường TT Củ Chi nhưng có HK ở KP 7, TT Củ Chi từ sau tháng 6/2014 đến nay.														
12	Tân Thành	Công lập	Tổ 9B, 10, 11 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	9		9											
			Tổ 6, 8, 10 ấp Tân Thành xã Tân Tân Thông Hội	12		12											

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp				Số học sinh				
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú	
13	Phước Vĩnh An	Công lập	Tổ 1, 2, 11, 12 ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	2		2											100%
			Cộng:	133	6	139	6	35					3	139	70		
			Ấp 2, xã Phước Vĩnh An	7	2	9											
			Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	48	20	68											
14	Trần Văn Châm	Công lập	Ấp 4, xã Phước Vĩnh An	32	12	44											100%
			Cộng:	87	34	121	3	35						121	40		
			Ấp 1, xã Phước Vĩnh An	52	7	59											
			Ấp 5, xã Phước Vĩnh An	46	5	51											
15	Phước Hiệp	Công lập	Ấp 6, xã Phước Vĩnh An	41	9	50											100%
			Cộng:	139	21	160	4	35					3	160	100		
			Ấp Ba Sa, xã Phước Hiệp	11	2	13											
			Ấp Mũi Cồn Đại, xã Phước Hiệp	24	2	26											
16	Phước Thạnh	Công lập	Ấp Mũi Cồn Tiều, xã Phước Hiệp	39		39											100%
			Ấp Trại Đền, xã Phước Hiệp	27	2	29											
			Ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	24	4	28											
			Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp	39	3	42											
			Ấp Trung Viêt, xã Phước Hiệp	14	1	15											100%
			Cộng:	178	14	192	6	35					6	192	77		
			Ấp Chợ, xã Phước Thạnh	35		35											
			Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	40		40											
			Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh	25		25											100%
			Ấp Mây Đắng, xã Phước Thạnh	19		19											
			Ấp Vườn Trầu, xã Phước Thạnh	18		18											
			Tổ 7, 8, 8A ấp Mỹ Khánh A; Tổ 1, 7 ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ	9		9											
			Cộng:	146		146	6	35						2	146	60	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động				
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh			
											Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú			
17	An Phước	Công lập	Ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	39	5	44									100%			
			Ấp Bàu Điều, xã Phước Thạnh	31	4	35												
			Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh	30	2	32												
			Ấp Mít Nài, xã Phước Thạnh	11	1	12												
			Ấp Bàu Trầu, xã Phước Thạnh	14	1	15												
18	Thái Mỹ	Công lập	Cộng:			125	13	138	4	35	4			138		100%		
			Ấp Bình Thuận 1, xã Thái Mỹ	43		43												
			Ấp Bình Thuận 2, xã Thái Mỹ	40		40												
			Ấp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ	31		31												
			Ấp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ	38		38												
			Ấp Tháp, xã Thái Mỹ	13		13												
			Mỹ Khánh A (từ tổ 1 đến tổ 6 và từ tổ 9 đến tổ 14), xã Thái Mỹ	47		47												
			Mỹ Khánh B (tổ 2, 4, 5, 6, 8, 8A), xã Thái Mỹ	20		20												
			Cộng:			232		232	6	35	6			6	232		80	100%
			Ấp Gia Be, xã Trung Lập Hạ	20		20												
Ấp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ	43		43															
Ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ	24		24															
Ấp Cây Sộp (tổ 6 đến 10 và tổ 13 đến tổ 20), xã Tân An Hội	32		32															
19	Lê Văn Thê	Công lập	Ấp Lão Tảo Trung, xã Trung Lập Hạ	28		28												
			Ấp Lão Tảo Thượng, xã Trung Lập Thượng	26		26												
			Cộng:			173		173	5	35	5			2		173	70	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Số học sinh
														Trong đó số HS bán trú
20	Trung Lập Hạ	Công lập	Áp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng	31		31								
			Áp Trung Hưng, xã Trung Lập Thượng	19		19								
			Áp Đồn, xã Trung Lập Hạ	35	1	36								
			Áp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ	10		10								
			Áp Trung Bình, xã Trung Lập Hạ	28	1	29								
			Tổ 1, 2 ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	3		3							4	70
			Cộng:	126	2	128	4	35		4			4	128
21	Trung Lập Thượng	Công lập	Áp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng	14		14								
			Áp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	31		31								
			Áp Ràng, xã Trung Lập Thượng	24		24								
			Áp Trung Hiệp Thạnh, xã TLT	31		31								
			Cộng:	100		100	4	35		4				100
														100%
22	Nhuận Đức	Công	Áp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức	25	13	38								
			Áp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức	21	6	27								
			Áp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức	32	3	35								
			Áp Bàu Tròn, xã Nhuận Đức	19	18	37								
			Cộng:	97	40	137	4	35		4	3		4	137
														100%
23	Nhuận Đức 2		Áp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	16	4	20								
			Áp Canh Lý (tổ 1, 2, 5), xã Nhuận Đức	22	2	24								
			Áp Bến Đình, xã Nhuận Đức	14	2	16								
			Áp Xóm Bung, xã Nhuận Đức	22	5	27								
			Áp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức	29	2	31								
			Cộng:	103	15	118	3	35		3				100%

Handwritten signature

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhân		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động	
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp			Số học sinh		
											Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú		
24	Phạm Văn Cội	Công lập	Ấp 1, xã Phạm Văn Cội	27	3	30										
			Ấp 2, xã Phạm Văn Cội	25	3	28										
			Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	51	5	56										
			Ấp 4, xã Phạm Văn Cội	21	2	23										
			Ấp 5, xã Phạm Văn Cội	11	2	13										
			Cộng:	135	15	150	6	35	6	6	4	150	120	100%		
25	An Nhơn Đông	Công lập	Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	27		27										
			Ấp Gò Nổi A, xã An Nhơn Tây	12		12										
			Ấp Lô 6, xã An Nhơn Tây	19		19										
			Ấp Xóm Mới (tổ 1 đến tổ 7, tổ 9, tổ 10), xã An Nhơn Tây	39	12	51										
			Ấp Bà Sòng, xã An Nhơn Tây	39		39										
			Ấp Bà Dung, xã An Nhơn Tây	21		21	5	35	5	5	2	180	56	100%		
			Tổ 3, 4 ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức	11		11										
			Cộng:	168	12	180										
			Ấp Bến Muong, xã An Nhơn Tây	21	2	23										
			Ấp Gót Chàng, xã An Nhơn Tây	25	1	26										
26	An Nhơn Tây	Công lập	Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây	26	3	29										
			Ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây	17	6	23										
			Ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây	23	2	25										
			Ấp Xóm Mới (tổ 8), xã An Nhơn Tây	2		2										
			Tổ 9 đến 12 ấp Xóm Chùa, xã An Phú	17		17										
			Cộng:	131	14	145	5	35	5	5		145		100%		
27	An Phú 1	Công lập	Ấp An Hòa, xã An Phú	29		29										
			Ấp Xóm Thuốc, xã An Phú	21		21										
			Cộng:	50		50										3
			Ấp An Bình, xã An Phú	29		29										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động		
									Số lớp							Số học sinh	
									Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi		Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ
28	An Phú 2	Công lập	Ấp Xóm Chùa, xã An Phú	30		30										100%	
			Ấp Phú Bình, xã An Phú	31		31											
			Ấp Phú Trung, xã An Phú	15		15											
			Cộng:	105		105	4	35	4	4				105		100%	
29	Phú Mỹ Hưng	Công lập	Ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng	44	3	47											
			Ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng	34	1	35											
			Ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng	24	1	25											
			Ấp Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng	14	3	17										100%	
			Cộng:	116	8	124	4	35	4	4				1	124		30
30	Phú Hòa Đông	Công lập	Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	29	3	32											
			Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	20	1	21											
			Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	19	6	25											
			Ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông	20	3	23											
			Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông	16	2	18											
			Ấp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	26	2	28											
			Ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	36	4	40											
			Ấp Phú Mỹ (tổ 18, 20), xã Phú Hòa Đông		1	1											
			Ấp Phú Hòa (tổ 26, 27, 28c), xã Phú Hòa Đông	3		3											
			Tổ 7, 8 ấp Bón Phú, xã Trung An	5		5											
			Cộng:	174	22	196	6	35	6	6				196		100%	
			Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông	27	3	30											
			Ấp Cây Trắc, xã Phú Hòa Đông	8		8											
			Ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông	41	6	47											

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhân		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh	
											Tăng cường ngoài giờ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú		Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú
31	Phú Hòa Đông 2	Công lập	Ấp Phú Mỹ (từ tổ 11 đến tổ 17; tổ 19; tổ 21), xã Phú Hòa Đông Ấp Phú Hòa (từ tổ 22 đến 25, tổ 28A, 28B), xã Phú Hòa Đông	28	3	31										
			Cộng:	127	16	143	5	35	5			5	143	143	100%	
32	Tân Thành Tây	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thành Tây Ấp 2, xã Tân Thành Tây Ấp 2A, xã Tân Thành Tây Ấp 3, xã Tân Thành Tây Ấp 3A, xã Tân Thành Tây	26	27	53										
			Cộng:	121	99	220	6	35	6			2	220	50	100%	
33	Trung An	Công lập	Ấp Hội Thành, xã Trung An Ấp Ấp Chợ, xã Trung An Ấp An Bình, xã Trung An Ấp An Hòa, xã Trung An Ấp Bốn Phú, xã Trung An Tổ 5, 6, 8, 9 Ấp 5, xã Hòa Phú	42	18	60										
			Cộng:	170	70	240	6	35	6	4		2	240	60	100%	
			Ấp 1, xã Hòa Phú	16	16	32										
			Ấp 1A, xã Hòa Phú	21	15	36										
			Ấp 2, xã Hòa Phú	27	22	49										
			Ấp 2A, xã Hòa Phú	15	20	35										
			Ấp 3, xã Hòa Phú	35	16	51										
			Ấp 4, xã Hòa Phú	30	20	50										
			Ấp 5, xã Hòa Phú	29	18	47										
34	Hòa Phú	Công lập														

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động				
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp					Số học sinh					
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS		Trong đó HS bán trú			
			Cộng:	173	127	300	6	35		6				2	300	87	100%		
35	Bình Mỹ	Công lập	Ấp 6A, xã Bình Mỹ	18	15	33													
			Ấp 6B, xã Bình Mỹ	11	24	35													
			Ấp 7, xã Bình Mỹ	22	17	39													
			Ấp 8, xã Bình Mỹ	16	13	29													
			Cộng:	67	69	136	4	35		4					1	136	40	100%	
36	Bình Mỹ 2	Công lập	Ấp 1, xã Bình Mỹ	16	15	31													
			Ấp 2, xã Bình Mỹ	16	3	19													
			Ấp 3, xã Bình Mỹ	6	4	10													
			Ấp 4A, xã Bình Mỹ	31	11	42													
			Ấp 4B, xã Bình Mỹ	12	4	16													
37	Tân Thạnh Đông	Công lập	Ấp 5, xã Bình Mỹ	38	10	48													
			Cộng:	119	47	166	6	35		6					4	166	140	100%	
			Ấp 1, xã Tân Thạnh Đông	40	15	55													
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Đông	23	5	28													
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông	16	5	21													
			Ấp 9, xã Tân Thạnh Đông	27	5	32													
			Ấp 10, xã Tân Thạnh Đông	39	10	49													
			Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông	25	5	30													
			Ấp 11A, xã Tân Thạnh Đông	11	5	16													
			Cộng:	181	50	231	7	35		7					2	231	50	100%	
			Ấp 3A, xã Tân Thạnh Đông	32	5	37													
			Ấp 3B, xã Tân Thạnh Đông	18	7	25													
			Ấp 4, xã Tân Thạnh Đông	39	6	45													

Handwritten signature

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Số học sinh		Tỷ lệ huy động										
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp			Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú									
											Tăng cường ngoài ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp														
38	Tân Thạnh Đông 2	Công lập	Ấp 4A, xã Tân Thạnh Đông	20	5	25																				
			Ấp 5 (từ tổ 10 đến tổ 12, xã TTD)	32	6	38																				
			Ấp 7 (tổ 1 đến tổ 5), xã TTD	20	7	27																				
			Ấp 8, xã Tân Thạnh Đông	35	7	42																				
			Ấp 9A, xã Tân Thạnh Đông	10	5	15																				
			Cộng:	206	48	254	6	35	6				3	254	105	100%										
39	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Ấp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 16), xã Tân Thạnh Đông	59	8	67																				
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3), xã Tân Thạnh Đông	17	2	19																				
			Ấp 6A, xã Tân Thạnh Đông	41	6	47																				
			Ấp 7 (tổ 6 đến tổ 9), xã Tân Thạnh Đông	8	2	10																				
			Ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông	16	3	19																				
			Ấp 12 (tổ 1, tổ 11), xã T.T. Đông	9	1	10																				
				Cộng:	150	22											172	6	35	6				172		100%
						Ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây											26	33	59							
40	TH-THCS Tân Trung	Công lập	Ấp Thạnh An, xã Trung An	67	20	87																				
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường TH-THCS Tân Trung), xã Tân Thạnh Đông	15	14	29																				
			Ấp 12 (tổ 2 đến tổ 10 và tổ 12), xã Tân Thạnh Đông	5	30	35																				
				Cộng:	113	97											210	5	35	5			5	210	150	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2019 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		36	1248	35	
1	Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	Nguyễn Thị Lăng	Công lập	1	35	35	Tăng cường Tiếng Anh
4	Tân Thông	Công lập	4	148	37	Tăng cường Tiếng Anh
5	Trần Văn Châm	Công lập	1	40	40	Tăng cường Tiếng Anh
6	Nhuận Đức	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
7	Phạm Văn Cội	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	An Nhơn Đông	Công lập	5	180	36	Tăng cường Tiếng Anh
9	An Nhơn Tây	Công lập	5	145	29	Tăng cường Tiếng Anh
10	An Phú 1	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
11	Trung An	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: “DẠY VÀ HỌC
CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”
TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		1	35	35	
1	Thị trấn Cử Chi	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 4 : BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2019 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú			
		TỔNG CỘNG	7223	165	45	26	139	10	1	23	7223		
1	Tân Phú Trung	Trường TH Tân Phú	368										
		Trường TH Nguyễn Thị Lăng	39										
		Trường TH Tân Phú Trung	390										
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.P. Trung)	6										
		Trường TH Tân Thành (HK xã T.P. Trung)	1										
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã T.P. Trung)	1										
		CỘNG	805	17	45		17	2			805		
2	Tân Thông Hội	Trường TH Tân Thông	266										
		Trường TH Tân Thông Hội	138										
		Trường TH Tân Tiến (Hộ khẩu ấp Tân Lập, Tân Thành, xã Tân T. Hội)	46										
		CỘNG	450	9	45		9	2			404		
3	Tân Tiến	Trường TH Tân Tiến	205										
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.T. Hội)	26										
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã TT. Hội)	3										
		Trường TH Tân Thành (HK xã T.T. Hội)	8										
		Trường TH Tân Thành (tạm trú xã T.T. Hội)	4										
		CỘNG	246	7	42			7				292	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp						
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bản trú		
	Thị Trấn	Trường TH Thị Trấn Cù Chi 2 (HK ở KP5 và huyện, tỉnh khác đến tạm trú TTCC)	35		45		7	1		3	326	
		Trường TH Thị Trấn Cù Chi (quận, huyện, tỉnh khác tạm trú Thị trấn Cù Chi)	34									
		Trường TH TT Cù Chi (HK ở KP5 TT Cù Chi)	9									
		Trường TH Tân Thành (HS có Hộ khẩu ở Thị trấn Cù Chi từ sau tháng 6/2014 đến nay)	24									
		Trường TH Tân Thành (HS ở quận, huyện, tỉnh khác đến tạm trú Thị trấn Cù Chi)	84									
4	Thị Trấn	Trường TH Thị trấn Cù Chi, Thị trấn Cù Chi 2, Tân Thành có Hộ khẩu ở Thị trấn Cù Chi từ sau tháng 6/2014 đến nay.										
		Trường TH Lê Thị Pha	115									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK ở Thị trấn Cù Chi)	3									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK ở Cây Sộp xã TAH)	22									
		CỘNG	326									
5	Thị Trấn 2	Trường TH Thị Trấn Cù Chi (Hộ khẩu ở KP 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, TT Cù Chi từ tháng 6/2014 trở về trước)	173									
		Trường TH Tân Thành (Hộ khẩu ở KP 3,7, TT Cù Chi từ tháng 6/2014 trở về trước)	126									
		Trường TH Thị Trấn Cù Chi 2 (HS có HK ở KP 1,2,3,4,6,7,8 TT Cù Chi từ tháng 6/2014 trở về trước)	31									
		CỘNG	330									
		8	41									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú				
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6					
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú						
6	Phước Vĩnh An	Trường TH Phước Vĩnh An	124													
		Trường TH Trần Văn Châm	160													
		Trường TH Thị trấn Cù Chi (HK xã Phước Vĩnh An)	22													
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (HK xã Phước Vĩnh An)														
		TH Tân Thành (HK xã PVA)	13													
		CỘNG	319	7	45			7				319				
7	Tân An Hội	Trường TH Nguyễn Văn Lịch (Áp Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Tam Tân, xã Tân An Hội)	145													
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK ấp Bàu Tre 1,2, Mũi Lớn, Xã Tân An Hội)	101													
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Tân An Hội)	68													
		Trường TH TT Cù Chi 2 (HK xã Tân An Hội)	4													
		TH Tân Thành (HK xã Tân An Hội)	12													
		CỘNG	330	8	41			8				2	330			
8	Phước Hiệp	Trường TH Phước Hiệp	167													
		Trường TH LMCN (HK xã Phước Hiệp)	5													
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Phước Hiệp)	14													
		Trường TH Tân Thành (HK xã Phước Hiệp)	1													
		CỘNG	187	4	45			4						187		
9	Phước Thạnh	Trường TH Phước Thạnh	215													
		Trường TH An Phước	88													
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Phước Thạnh)	6													
		Trường TH Tân Thành (HK xã Phước Thạnh)	1													
		CỘNG	310	7	44			7						310		

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp				Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp			Bán trú
10	Nguyễn Văn Xơ	Trường TH Thái Mỹ Trường TH Thị trấn Cù Chi (HK xã Thái Mỹ) Trường TH TT Cù Chi 2 (HK xã Thái Mỹ) CỘNG	215 2 217	5	43		5				217	
11	Trung Lập Hạ	Trường TH Lê Văn Thế Trường TH TT Cù Chi (HK xã TLH) Trường TH Liên Minh Công Nông (HK Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp) Trường TH Liên Minh Công Nông (HK xã Trung Lập Hạ) TH Tân Thành (HK xã Trung Lập Hạ) Trường TH TT Cù Chi 2 (HK xã TLH) TH An Phú (HK xã Trung Lập Hạ) CỘNG	127 11 9 5 3 2 1 158	4	39		4				158	
		Trường TH Trung Lập Thượng	78									
		Trường TH Trung Lập Hạ	156									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã T.L. Thượng)	6									
		Trường TH An Phú 1 (HK xã TL.T)	1									
		TH An Phú 1 (HK xã Trung Lập Hạ)	1									
12	Trung Lập	CỘNG	242	6	40		6				242	
		Trường TH An Nhơn Tây	140									
		Trường TH An Nhơn Đông	157									
		Trường TH. An Phú 1 (HK xã An N. Tây)	12									
		Trường TH TT Cù Chi 2 (HK xã An N. Tây)	1									
13	An Nhơn Tây	Trường TH Tân Thành (HK xã An N. Tây) CỘNG	1 311	7	44		7	1			311	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp						
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
											Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
14	An Phú	Trường TH An Phú 1 Trường TH An Phú 2 CỘNG	59 134 193	5	40	5	1				193	
15	Phú Mỹ Hưng	Trường TH Phú Mỹ Hưng Trường TH An Phú 1 (HK xã PMH) CỘNG	115 9 124	3	41	3					124	
16	Nhuận Đức	Trường TH Nhuận Đức Trường TH Nhuận Đức 2 Trường TH An Phú 1 (HK xã Nhuận Đức) Trường TH TT Củ Chi (HK xã Nhuận Đức) Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã Nhuận Đức) Trường TH LMCN (HK xã Nhuận Đức) CỘNG	56 79 1 4 1 3 144	4	36	4					144	
17	Phạm Văn Cội	Trường TH Phạm Văn Cội Trường TH An Phú 1 (HK xã PVC) CỘNG	214 1 215	5	43	5				1	215	
18	Phú Hòa Đông	Trường TH Phú Hòa Đông Trường TH Phú Hòa Đông 2 Trường TH TT Củ Chi (HK xã P.H.Đông) Trường TH An Phú 1 (HK xã P.H.Đông) CỘNG	256 123 8 6 393	9	44	9					393	
19	Tân Thạnh Tây	Trường TH Tân Thạnh Tây Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.T.Tây) CỘNG	209 2 211	5	43	5			1		211	
	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông Trường TH Tân Thạnh Đông 2	220 293									

(Handwritten signature)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã, thị trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chi tiêu nhận					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Số lớp	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
20		Trường TH Tân Thành Đông 3 (HK ở Ấp 5, Ấp 6A, Ấp 7, Ấp 7a, xã TTTĐ)	135	14	46	14					648	
21	TH - THCS Tân Trung	CỘNG	648									
		Trường TH Tân Thành Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12, xã Tân Thành Đông)	72									
		Trường TH Trung An (HK, tạm trú ở ấp Thành An, Hội Thành, xã Trung An)	124									
		Trường TH Tân Thành Tây (HK tổ 1A, xã Tân Thành Tây)	24									
		Trường TH-THCS Tân Trung	96									
		CỘNG	316	7	45		7				316	
22	Trung An	Trường TH Trung An (HK ấp Chợ, An Bình, Bốn Phú, An Hòa, xã Trung An và tạm trú xã Trung An)	171	4	42		4				171	
		CỘNG	171									
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú	260									
		CỘNG	260	6	45		6				260	
		Trường TH Bình Mỹ	105									
		Trường TH Bình Mỹ 2	212									
24	Bình Hòa	CỘNG	317	7	45	7					317	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Chữ ký

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 5A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Củ Chi)

/QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Củ Chi)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SỐ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		10	450	45	
1	Tân Phú Trung	Công lập	2	90	45	Tăng cường tiếng Anh
2	Tân Thông Hội	Công lập	2	90	45	Tăng cường tiếng Anh
3	Thị Trấn	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh
4	Thị Trấn 2	Công lập	2	90	45	Tăng cường tiếng Anh
5	An Nhơn Tây	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh
6	An Phú	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh
7	Tân Thành Tây	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 5B: BẢNG SƠ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP:
“DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP
CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”**

NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số:

/QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2019 của UBND huyện Cử Chi)

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		1	35	35	
1	Thị trấn 2	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**PHỤ LỤC 6: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG HỌC SINH
VÀO CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Củ Chi)

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường trung cấp chuyên nghiệp	Ghi chú
Tổng số:	1100	
Trung cấp nghề Củ Chi	540	
TCCN Bách khoa Sài Gòn	360	
TCCN Tây Sài Gòn	200	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 7:

BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND huyện Cử Chi)

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
Tổng số:	8	360	45	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	8	360	45	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN